

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN IA GRAI
TỈNH GIA LAI

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 15/2025/HNGĐ-ST

Ngày 11/6/2025

V/v “Ly hôn, tranh chấp nuôi
con”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN IA GRAI, TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Huy

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Công Hòa và ông Rchâm Đương

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thái Nam - Thư ký Toà án Tòa án nhân dân huyện Ia Grai, tỉnh Gia Lai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ia Grai, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa: Ông Phan Cao Kỳ - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 6 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Ia Grai, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 04/2025/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 01 năm 2025, về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 16/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 3 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị X, sinh 28/8/1976, số CCCD: 042176005779, địa chỉ: Thôn A, xã I, huyện I, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

- Bị đơn: Ông Trương Văn M, sinh ngày 04/3/1973, số CCCD: 064073001680, địa chỉ: Thôn A, xã I, huyện I, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Nguyên đơn là bà Nguyễn Thị X trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà X và ông M tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại UBND xã I, huyện I, tỉnh Gia Lai theo Giấy chứng nhận kết hôn ngày 25/02/1995. Trong quá trình chung sống có phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do ông M không quan tâm đến gia đình, thường cãi vã với nhau, ông M thường xuyên đánh bà X. Giữa hai vợ chồng đã ly thân từ tháng 6/2015, đã được gia đình hai bên hòa giải nhiều lần nhưng không thành và mỗi người đã có cuộc sống riêng ổn định. Bà X không còn tình cảm với ông M nên yêu cầu được ly hôn.

Về con chung: Bà X và ông M có 03 người con là Trương Thị Thu H, sinh ngày 12/10/1996; Trương Thị G, sinh ngày 07/9/1997 và Trương Văn Đ, sinh ngày 22/4/2008. Các con Trương Thị Thu H, Trương Thị G đã trưởng thành. Con Trương

Văn Đ hiện đang sống với bà X, bà X yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, không yêu cầu ông M cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Bà X không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tài liệu, chứng cứ bà X cung cấp để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện: Bản gốc Giấy chứng nhận kết hôn, bản sao 03 Giấy khai sinh của các con là Trương Thị Thu H, Trương Thị G, Trương Văn Đ và Đơn xin xác nhận ngày 24/3/2025 được UBND xã I xác nhận.

- *Ý kiến của bị đơn là ông Trương Văn M:* Ông M không cung cấp ý kiến và không cung cấp tài liệu, chứng cứ.

- *Ý kiến của Kiểm sát viên:*

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tiến hành tố tụng và nguyên đơn đảm bảo đúng quy định, bị đơn chưa chấp hành đúng.

Về việc giải quyết vụ án, đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Nguyên đơn bà Nguyễn Thị X có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt, bị đơn là ông Trương Văn M vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Bà Nguyễn Thị X và ông Trương Văn M kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, không trái pháp luật và có đăng ký kết hôn, nên đây là hôn nhân hợp pháp.

[3] Về yêu cầu ly hôn của nguyên đơn: Bà X cho rằng quan hệ hôn nhân giữa bà và ông M phát sinh mâu thuẫn, giữa hai bên đã không còn chung sống với nhau từ năm 2015. Theo Đơn xin xác nhận của bà X, có xác nhận của UBND xã I thể hiện ý kiến trình bày của bà X là đúng. Ông M đã được tổng đạt đơn khởi kiện cùng tài liệu, chứng cứ kèm theo nhưng không có ý kiến phản đối, không tham gia hòa giải mâu thuẫn theo triệu tập của Tòa án. Có căn cứ xác định bà X và ông M phát sinh mâu thuẫn trong quan hệ hôn nhân, đã không còn chung sống với nhau và không còn quan tâm, yêu thương, chăm sóc lẫn nhau nên không còn tình nghĩa vợ chồng, mâu thuẫn hôn nhân đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà X theo quy định tại các Điều 19, 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về con chung: Bà X yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con Trương Văn Đ, phù hợp với nguyện vọng của con. Xét bà X đủ khả năng trực tiếp nuôi con, ông M không có ý kiến phản đối nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà X.

[5] Ông M có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở, tuy nhiên phải tôn trọng, không được lạm dụng quyền thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con và có

quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con khi bà X không còn đủ điều kiện nuôi con theo quy định tại các Điều 82, 84 Luật Hôn nhân và gia đình.

[6] Về án phí: Bà X phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144, Điều 147, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

- Áp dụng Điều 56, 58 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị X

- Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà Nguyễn Thị X và ông Trương Văn M.

- Về con chung: Bà Nguyễn Thị X là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Trương Văn Đ, sinh ngày 24/8/2008 cho đến khi con thành niên, đã thành niên mà mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình.

Ông Trương Văn M có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở và có quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con khi người trực tiếp nuôi con không còn đảm bảo điều kiện trực tiếp nuôi con.

2. Về án phí: Bà Nguyễn Thị X phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, được trừ số tiền 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0009823 ngày 15/01/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ia Grai, tỉnh Gia Lai.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn kháng cáo là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND huyện Ia Grai;
- Chi cục THADS huyện Ia Grai;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký tên, đóng dấu)

Nguyễn Văn Huy

- UBND xã Ia Sao, huyện Ia Grai;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu Văn thư.